

Án số: **23 /2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/ 5 /2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Trọng Tú
2. Ông Phạm Đức Long
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thu Hoài – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN:* Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1974;

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1977;

Đều trú tại: Tổ 12, phường P, thành phố T.

(Anh H có mặt, chị Y vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà Nguyên đơn – anh Nguyễn Minh H trình bày: Anh kết hôn chị Nguyễn Thị Hải Y năm 1997 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng anh sinh được 2 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/10/2000 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008;

Tài sản chung, nợ chung: Không có vì sau khi cưới vợ chồng anh ở chung với bố mẹ đẻ của anh, mọi thứ là đồ dùng sinh hoạt là của bố mẹ anh, vợ chồng anh ở chung với bố mẹ anh nên không mua sắm tài sản gì.

Lý do tôi anh xin ly hôn chị Y do chị Y cư xử không tốt với gia đình chồng, nhiều lần vợ chồng cãi nhau chị Y lại tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường Tân Thịnh mà không xin phép bố mẹ anh và anh. Anh khuyên can chị Y rất nhiều lần để vợ chồng hòa thuận với gia đình nhưng chị ấy vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đoàn tụ được. Từ năm 2009 đến nay, anh và chị Y sống ly thân, con cái mình anh chăm lo chăm sóc, chị Y ra ngoài đi bán hàng thuê, thi thoảng chị Y về thăm con.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị Y để ổn định cuộc sống.

Quan điểm của anh khi ly hôn: Về quan hệ hôn nhân: Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn chị Y để ổn định cuộc sống.

Về con chung anh xác định con lớn là Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/10/2000 đã trưởng thành anh không yêu cầu tòa án giải quyết, con nhỏ là Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008 anh xin trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi). Chị Y có quyền đi lại thăm nom con chung, anh không ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Anh H cung cấp 01 đơn xác nhận của Công an phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên và bà tổ trưởng tổ 12 phường Phú Xá về việc chị Nguyễn Thị Hải Y có đăng ký HKTT tại tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên cùng với chủ hộ anh Nguyễn Minh H, có sổ hộ khẩu 2366 quyển số 9 trang 34 do công an tỉnh Thái Nguyên cấp. Hiện chị Y chưa cắt khẩu chuyển đi đâu, mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm nên chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, thi thoảng chị Y có về thăm con.(BL 25)

Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giao thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho chị Y đến Tòa án viết bản tự khai và tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải với anh H nhưng chị Y không hợp tác giải quyết. Tòa án đã xác minh với bà tổ trưởng tổ 12, phường P, thành phố T về việc bà Trương Thị L- tổ trưởng tổ 12 phường P đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Y nhưng chị Y không đến Tòa giải quyết vụ án với anh H(BL 21- 22)

Tòa án lập biên bản không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định Điều 207 Bộ luật tố tụng 2015.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải cho anh H và chị Y về đoàn tụ, nhưng chị Y

không đến Tòa, đến nay anh H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là xin được ly hôn chị Y, chị Y không hợp tác giải quyết vì vậy vụ kiện phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, lần 2 cho chị Y thông qua bà tổ trưởng tổ 12 phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên để giải quyết vụ án theo quy định khoản 5 Điều 177 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị Hải Y kết hôn năm 1997 do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng tôi sinh được 2 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/10/2000 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008;

Tài sản chung, nợ chung: Không có .

Lý do anh H có đơn xin ly hôn chị Y do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải đoàn tụ nhưng không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay không quan tâm đến nhau đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H được ly hôn chị Y là phù hợp thực tế và Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Về con chung: Vợ chồng Có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/10/2000 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008; Con lớn Nguyễn Đức T đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết; Con nhỏ Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008 hiện anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Th muốn được ở với anh H. Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Về Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Tài sản chung và nợ chung: Anh H khai không có nhưng Chị Y không có bản tự khai tại Tòa án nên đề nghị HĐXX không giải quyết ở vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Chị Y được Tòa án triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa công khai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt chị Y.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị Hải Y kết hôn năm 1997 do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Lý do anh H xin ly hôn chị Y theo anh H khai là do bất đồng quan điểm sống, chị Y cư xử không tốt với gia đình chồng, nhiều lần vợ chồng cãi nhau chị Y lại tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường Tân Thịnh mà không xin phép bố mẹ anh và anh. Anh khuyên can chị Y rất nhiều lần để vợ chồng hòa thuận với gia đình nhưng chị ấy vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đoàn tụ được. Từ năm 2009 đến nay, anh và chị Y sống ly thân, con cái mình anh chăm lo chăm sóc, chị Y ra ngoài đi bán hàng thuê, thi thoảng chị Y về thăm con.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị Y để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hai bên sống ly thân từ giữa năm 2009 đến nay, anh H xin được ly hôn chị Y nhưng chị Y không hợp tác giải quyết vụ án, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, vì vậy nên chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Minh H, cho anh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Hải Y là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/10/2000 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008; Con lớn Nguyễn Đức T đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết; Con nhỏ Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008 hiện anh H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Th muốn được ở với anh H. HĐXX giao con chung Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008 cho anh H trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác, chị Y có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Về Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con cùng anh nên Tòa án không giải quyết

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Y không đến Tòa án giải quyết vụ án với anh H nên Tòa án không lấy được lời khai của chị Y về việc vợ chồng có tài sản chung, nợ chung hay không nên Tòa án không giải quyết phần tài sản chung, nợ chung ở vụ án ly hôn này.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội anh H phải nộp 300.000đ án phí LHST vào Ngân sách nhà nước;

Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, Điều 271, 273, 278, 280, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh H, cho anh Nguyễn Minh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Hải Y.

2. Về con chung: Con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 03/10/2000 đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết;

Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008; Con lớn Nguyễn Đức T đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết;

Giao con chung Nguyễn Đức Th, sinh ngày 18/8/2008 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có thay đổi khác. Chị Y có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án ly hôn này.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang, theo biên lai thu

số **0007345** ngày **26/02/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Y vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
- (phường Tân Thịnh, TPTN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Mai Thị Hồng Thái